

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 334/2025/DS-PT  
Ngày: 16-7-2025  
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Tuyền

*Các Thẩm phán:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Nhật Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 359/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kiều L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An. (nay là Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh)

**- Bị đơn:**

1. Ông Trần Nguyên H (H1), sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (nay là Khu phố B, xã V, tỉnh Tây Ninh)

2. Bà Lê Thị Phương N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp R, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn bà Lê Thị Phương N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L và cùng lời trình bày như sau:*

Vào ngày 07/9/2023 vợ chồng ông Trần Nguyên H (Hãn), bà Lê Thị Phương N có vay của bà số tiền 120.000.000 đồng, ông H có viết biên nhận và hẹn ngày 07/10/2023 sẽ trả tiền vay cùng lãi suất theo Ngân hàng.

Đến ngày 30/01/2024 vợ chồng ông H, bà N vay tiếp của bà số tiền 40.000.000 đồng. Cùng ngày 30/01/2024 ông H có viết biên nhận vay với số tiền 161.000.000 đồng trong đó có 120.000.000 đồng vay ngày 07/9/2023, 1.000.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng vay ngày 30/01/2024 và hẹn 01 tháng sau trả. Khi đến hạn, bà L nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông H cứ hứa hẹn mà không trả và hứa sẽ chuyển nhượng đất để cản trừ nợ nhưng vẫn không thực hiện.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông H và bà N liên đới trả cho bà L số tiền 161.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

*Bị đơn ông Trần Nguyên H trình bày:* Ông thừa nhận có vay của bà L số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 07/9/2023, ngày 30/01/2024 vay tiếp số tiền 40.000.000 đồng; ngày 30/01/2024 có viết biên nhận vay bà L tổng số tiền 161.000.000 đồng, trong đó gồm 1.000.000 đồng tiền lãi, hẹn 01 tháng trả nhưng đến nay chưa có tiền trả cho bà L. Số tiền vay chỉ một mình ông H vay để phục vụ mục đích cá nhân là trả nợ cho người khác, không sử dụng chung trong gia đình nên bà N không liên quan. Nay ông H đồng ý một mình trả số tiền 161.000.000 đồng cho bà L.

*Bị đơn bà Lê Thị Phương N có lời trình bày như sau:* Bà là vợ của ông H, bà không biết bà L là ai và không có vay tiền của bà L, ông H vay tiền của bà L bà hoàn toàn không biết, không sử dụng số tiền này và ông H cũng không đem tiền về phục vụ nhu cầu trong gia đình nên bà N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà Nghi Đ với ông H trả cho bà L số tiền 161.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh) đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh) đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông H và bà N.

Buộc ông H và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 161.000.000 (một trăm sáu mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông H và bà N phải liên đới chịu 8.050.000 (tám triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà L 4.025.000 (bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 14/10/2024 theo biên lai số 0002085.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, bị đơn bà N kháng cáo một phần bản án không đồng ý liên đới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Bị đơn bà N có lời trình bày:* Không đồng ý liên đới cùng ông H trả cho bà L số tiền 161.000.000 đồng. Bà L không có căn cứ chứng minh ông H dùng số tiền vay sử dụng nhu cầu thiết yếu cho gia đình, bà N hoàn toàn không biết bà L, không hỏi vay tiền và ký biên nhận nợ, kể cả sau khi ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà L cũng không tìm đến bà N. Bà N và ông H đều có công việc ổn định, độc lập về tài chính, ông bà sống chung cùng cha mẹ chồng, hiện nay bà N đang ở nhà thuê và làm việc tại xã Đ tỉnh Tây Ninh.

*Nguyên đơn bà L có lời trình bày như sau:* Ông H là người trực tiếp hỏi bà L để vay tiền, chỉ nói là đầu tư đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thực tế có hay không bà L không biết. Từ khi ông H mượn tiền đến nay bà hoàn toàn không biết bà N, chỉ biết ông H có vợ. Bà L xác định chưa bao giờ gặp bà N để yêu cầu trả số tiền trên. Do tin tưởng ông H vay tiền để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà N là vợ sẽ là người cùng hưởng lợi. Ông H hẹn nhiều lần hứa sang nhượng lại đất để trừ tiền nợ nhưng thực tế đến nay vẫn chưa thực hiện và có đất hay không để sang nhượng, bà Liên hoàn T không biết.

*Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:*

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà N kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông H thừa nhận còn nợ bà L số tiền 161.000.000 đồng và đồng ý trả, xác định đây là nợ cá nhân của ông H. Bà N không đồng ý liên đới vì không ký biên nhận vay tiền của bà L, không biết bà L là ai và ông H không sử dụng số tiền vay vào mục đích thiết yếu cho gia đình. Tuy nhiên, ông H và bà N

là vợ chồng hợp pháp, nợ vay trong thời kỳ hôn nhân nên bà N có nghĩa vụ liên đới trả tiền là có căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn bà N kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà N về một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà L và ông H thừa nhận ngày 07/9/2023 ông H có vay của bà L số tiền 120.000.000 đồng, có viết biên nhận nợ và hẹn ngày 07/10/2023 sẽ trả tiền vay cùng lãi suất theo Ngân hàng. Đến ngày 30/01/2024 ông H vay tiếp của bà L số tiền 40.000.000 đồng. Cùng ngày 30/01/2024 ông H có viết biên nhận vay với số tiền 161.000.000 đồng (trong đó có 120.000.000 đồng vay ngày 07/9/2023, 1.000.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng vay ngày 30/01/2024) hẹn 01 tháng sau trả. Cả hai thừa nhận thống nhất số tiền vay và giao dịch vay chỉ có giữa hai bên. Biên nhận nợ bà N không ký tên và bà Liên hoàn T không biết bà N, điều này phù hợp với lời trình bày của các bên.

[3.1] Xét về trách nhiệm liên đới nợ của bà N: *Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:*

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

*Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:*

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

Đối chiếu với những quy định trên thì không có bằng chứng nào để chứng minh giao dịch vay tiền của ông H xác lập với bà L là giao dịch thuộc vào một trong các điều khoản nêu trên đã viện dẫn, để từ đó có căn cứ xác định trách nhiệm bà N liên đới trả tiền cho bà L. Mặt khác, bà L yêu cầu bà N liên đới thì có nghĩa vụ chứng minh số tiền vay ông H sử dụng vào mục đích thiết yếu của gia đình hay căn cứ nào khác như đã viện dẫn.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh). Lờn đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí theo quy định, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Phương N.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Nguyên H.

Buộc ông Trần Nguyên H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kiều L số tiền 161.000.000 (một trăm sáu mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều L về việc yêu cầu bà Lê Thị Phương N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 161.000.000 (một trăm sáu mươi một triệu) đồng.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Nguyên H phải chịu 8.050.000 (tám triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Kiều L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Lê Thị Kiều L 4.025.000 (bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002085 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Tây Ninh).

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Phương N không phải chịu. Hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002219 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Tây Ninh).

**5.** Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 9-Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Tuyền**